

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 05-5-2021
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm
2. Bà Đoàn Thị Chuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 05/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12/10/2020 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Vũ Xuân T**, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Nông Thị H**, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, anh Vũ Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nông Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 10/5/2018 và được gia đình tổ chức lễ cưới. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có con mặc dù đã chữa trị nhiều nơi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn, tháng 4/2020 chị H thuê nhà ở riêng, anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, anh khởi kiện xin ly hôn chị Nông Thị H.

Về con chung: Không có

Về tài sản, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Nông Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân của anh chị đúng như anh Vũ Xuân T đã khai. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định không

còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Vũ Xuân T ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị H khai khi bố mẹ anh T xây nhà ở cho vợ chồng chị, chị có đưa cho mẹ chồng là bà Vũ Thị Đ số tiền 70.000.000 đồng là tiền chị bán vàng trang sức của riêng chị, nay chị yêu cầu anh Vũ Xuân T, ông Vũ Xuân Đ và bà Vũ Thị Đ phải trả chị số tiền này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt; Hội đồng xét xử đã công bố nội dung các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Xuân T và chị Nông Thị H ly hôn; về con chung: Không có; về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết; về án phí: Anh Vũ Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Xuân T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nông Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh T nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Anh Vũ Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Nông Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Vũ Xuân T và chị Nông Thị H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/5/2018 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị đã chạy chữa nhiều nơi mà không có con dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn, từ tháng 4/2020 anh chị đã ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Đến nay, anh chị đều xác định không còn tình cảm, không thể duy trì quan hệ hôn nhân với nhau. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng

xét xử thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và có căn cứ để xử cho anh Vũ Xuân T ly hôn chị Nông Thị H.

[3] Về con chung: Anh T và chị H không có con chung.

[4] Về tài sản: Anh Vũ Xuân T không yêu cầu giải quyết. Chị Nông Thị H yêu cầu anh Vũ Xuân T, ông Vũ Xuân Đ và bà Vũ Thị Đ trả chị số tiền 70.000.000 đồng là tiền chị bán vàng trang sức riêng, đưa cho mẹ chồng chị là bà Vũ Thị Đ khi gia đình xây nhà ở cho vợ chồng chị. Tòa án đã tổng đạt cho chị H thông báo về việc nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản. Tuy nhiên, chị H không nộp tiền tạm ứng án phí và không giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình; mặt khác, anh T xác định anh và gia đình anh không nợ chị H số tiền 70.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu chị Nông Thị H yêu cầu số tiền trên có thể khởi kiện vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Vũ Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Xuân T ly hôn chị Nông Thị H.

2. Về án phí: Anh Vũ Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003245 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã C, huyện T (*để ghi vào sổ Hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính